

Bản án số: 15/2019/KDTM-ST
Ngày: 25-9- 2019
V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Luận**, bà **Nguyễn Thị Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2019/TLST- KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST- KDTM ngày 19/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐHPT – KDTM ngày 05/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: Số 21, C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Trung H - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Theo Văn bản ủy quyền số 473/UQ-MB-HĐQT ngày 02/6/2015 của Chủ tịch HĐQT)

Đại diện theo ủy quyền lại: Trịnh Đức L, ông Nguyễn Tuấn T, ông Trần Xuân Đ (theo Giấy ủy quyền số 673/MB-HS ngày 25/5/2017).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD. Địa chỉ: Thôn T, xã TXT, C, Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 05000486532 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 25/9/2018.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Bá T, sinh năm 1983 - Chức vụ: Giám đốc.
Hiện trú tại: Thôn T, xã TXT, huyện C, Hà Nội

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đỗ Bá N, sinh năm 1970;

3.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 (Vợ ông N);

3.3. Anh Đỗ Bá Đức T, sinh ngày 20/8/2002 (Con ông N – bà Th).

Đại diện theo pháp luật của anh T: Bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Bá N.

Cư trú tại: Thôn T, xã TXT, huyện C, Hà Nội.

3.4. Ông Đỗ Bá H, sinh năm 1979;

3.5. Bà Trịnh Thị Thùy D, sinh năm 1985 (vợ ông H).

Đều trú tại: Số 134, tổ 11, khu XM, thị trấn XM, huyện C, Hà Nội.

Có mặt: Ông T;

Vắng mặt: Bị đơn và toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1.1. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 285.10.820.507617.TD ngày 27/10/2010 (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng 2010):

Ngày 27/10/2010, Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh T (sau đây gọi tắt là **ngân hàng Q**) và Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD (sau đây gọi tắt là **công ty HD**) đã ký Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 285.10.820.507617.TD với nội dung cơ bản như sau: Số tiền vay: 525.000.000 (Năm trăm hai mươi năm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Thanh toán một phần tiền mua xe ô tô; Thời hạn vay vốn là 48 tháng, kể từ ngày giải ngân ghi trên khế ước nhận nợ; Lãi suất áp dụng là: Lãi suất thả nổi bằng tổng của Lãi suất tham chiếu (lãi suất huy động tiết kiệm dân cư loại 24 tháng) cộng Lãi suất biên là 4,5%/năm. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 15,5%/năm.

Ngày 27/10/2010, ngân hàng Q đã giải ngân cho công ty HD số tiền 525.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD1030000338 bằng hình thức chuyển khoản; lãi suất vay tại thời điểm vay là 15,5%/năm; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 27/10/2010 đến 27/10/2014; phương thức trả nợ: trả gốc chia thành 48 kỳ (từ kỳ 01 đến kỳ 47 là 10.950.000đ; kỳ 48 là 10.350.000đ).

Tài sản đảm bảo: Xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010, Đăng ký xe Ôtô số 033724 do Công an Hà Nội cấp ngày 13/10/2010 cho Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD.

Hợp đồng thế chấp số 130.10.820.507617.DB ký ngày 27/10/2010 tại Ngân hàng TMCP Q và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng 2010 như sau: tính đến ngày 24/7/2014, công ty HD đã thanh toán trả nợ ngân hàng Q số tiền là: gốc đã trả 249.469.572đồng; lãi đã trả: 149.143.161đồng; Tổng số tiền đã trả: 398.612.733đồng. Công ty HD bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 24/9/2012 do vi phạm kỳ trả nợ.

1.2. Về Hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.12.882.507617.TD ngày 05/5/2012 (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng năm 2012):

Ngày 05/5/2012, ngân hàng Q và công ty HD đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.12.882.507617.TD với các nội dung cơ bản như sau: Số tiền vay: 2.700.000.000 (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng: Lãi suất cố định ghi trên theo từng lần; thời hạn vay sau 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo khế ước. Ngân hàng Q đã giải ngân cho Công ty HD như sau:

- Ngày 05/5/2012 theo Khế ước LD 1212600059: Số tiền 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng; Phương thức giải ngân: chuyển khoản 1.850.000.000 đồng, nhận tiền mặt 350.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền xăng dầu, tiền lương công nhân; Lãi suất áp dụng: Lãi suất cố định 22%/năm; Thời hạn vay: 03 tháng từ ngày 05/5/2012 đến ngày 06/8/2012.

- Ngày 17/9/2012 theo Khế ước LD 1226200377: Số tiền giải ngân 630.000.000 (Sáu trăm ba mươi triệu) đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua xăng dầu; Phương thức giải ngân: Chuyển khoản; Lãi suất áp dụng: Lãi suất cố định 18%/năm; Thời hạn vay: 03 tháng từ ngày 18/9/2012 đến ngày 18/12/2012.

- Ngày 24/9/2012 theo Khế ước LD 1226800455: Số tiền giải ngân 354.000.000 (Ba trăm năm mươi tư triệu) đồng; Mục đích: Thanh toán tiền lương cho nhân viên; Phương thức giải ngân: Tiền mặt; Lãi suất áp dụng: Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 18%/năm; Thời hạn vay: 03 tháng từ ngày 24/9/2012 đến ngày 24/12/2012;

- Ngày 25/10/2012 theo Khế ước LD 1229900469: Số tiền giải ngân 354.000.000 (Ba trăm năm mươi tư triệu) đồng; Mục đích: Thanh toán tiền lương cho nhân viên; Phương thức giải ngân: Tiền mặt; Lãi suất áp dụng: Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 18%/năm; Thời hạn vay: 03 tháng từ ngày 25/10/2012 đến ngày 25/1/2013.

Tổng số tiền công ty HD được giải ngân là 3.538.000 đồng.

Tài sản đảm bảo: Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay của công ty HD tại ngân hàng Q, ông Đỗ Bá N, bà Nguyễn Thị Th đã tự nguyện thế chấp tài sản cụ thể sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 02 diện tích 172m², địa chỉ: Thôn T, TXT, huyện C, Hà Nội, GCNQSDĐ số AP 419023 số vào sổ cấp 03143 do UBND huyện C cấp ngày 27/7/2009 cho ông Đỗ Bá N, bà Nguyễn Thị Th (**sau đây gọi tắt là thửa đất số 374**). Hợp đồng thế chấp có số công chứng: 1261, quyển số 01.2012 /TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Phòng Công chứng số 7 – Thành phố Hà Nội ngày 23/4/2012 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, Thành phố Hà Nội ngày 27/4/2012 theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng:

Đối với khế ước số LD 1212600059 ngày 05/5/2012, tính đến ngày 09/6/2015 đã trả: Gốc 2.158.153.244 đồng; lãi 225.498.061 đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 05/8/2012.

Đối với khế ước số LD 1226200377 ngày 17/9/2012, tính đến 18/9/2012 đã trả: Gốc 0 đồng; lãi 11.655.000 đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 18/12/2012.

Đối với khế ước số LD 1226800455 ngày 24/9/2012, tính đến 24/9/2012 đã trả: Gốc 0 đồng; lãi 5.487.000 đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 24/12/2012.

Đối với khế ước số LD 1229900469 ngày 25/10/2012, tính đến 31/7/2014 đã trả: Gốc 12.000.000đồng; lãi 0đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 25/01/2013.

Tổng cộng công ty HD đã trả được số tiền là: Gốc 2.419.622.816đồng; lãi 391.783.222đồng; Tổng số tiền trả: 2.811.406.038đồng;

Kể từ thời điểm khoản vay bị quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đơn đốc, yêu cầu công ty HD trả nợ nhưng công ty HD thường xuyên trì hoãn, kéo dài thời gian trả nợ.

Tạm tính đến ngày 19/8/2019 dư nợ khoản vay của nông ty HD tại ngân hàng Q là: 5.068.841.560 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.643.377.184đồng; Lãi trong hạn 82.953.666đồng; Lãi quá hạn 3.342.510.715đồng.

Như vậy, bên vay và bên thế chấp đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với ngân hàng Q theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với ngân hàng Q.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bên vay là công ty HD trả nợ cho Ngân hàng Q các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng năm 2010 và Hợp đồng tín dụng năm 2012, kèm theo các khế ước nhận nợ với số tiền tạm tính đến hết ngày 19/8/2019 là: 5.068.841.560đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.643.377.184đồng; Lãi trong hạn: 82.953.666đồng; Lãi quá hạn: 3.342.510.715đồng.

Buộc công ty HD phải tiếp tục trả nợ cho ngân hàng Q tiền lãi phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng năm 2010 và Hợp đồng tín dụng năm 2012, kể từ ngày 20/8/2019 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng Q.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu công ty HD không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên cho ngân hàng Q, thì ngân hàng Q có toàn quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo các thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bên thứ ba vay vốn và/hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên/bán/chuyển nhượng các tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ là:

Xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010, Đăng ký xe Ôtô số 033724 do Công an Hà Nội cấp ngày 13/10/2010 cho công ty HD.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 374, tờ bản đồ số 02 diện tích 172m², địa chỉ: T, TXT, C, Hà Nội, GCNQSDĐ số AP 419023 số vào sổ cấp 03143 do UBND huyện C cấp ngày 27/7/2009 cho ông Đỗ Bá N, bà Nguyễn Thị Th.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Q, công ty HD phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Q cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. Đại diện theo pháp luật của công ty HD – Ông Đỗ Bá T trình bày:

- Giữa ông và ông Đỗ Bá H (chồng bà Trịnh Thị Thùy D) là anh em trong họ tộc.

- Ông không biết sự việc ông là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty HD như thể hiện trong Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của công ty HD mà Tòa án cho ông xem. Khoảng tháng 7 – 8 năm 2018, ông có cho ông Đỗ Bá H mượn Chứng minh thư nhân dân của ông, ông H mượn làm gì thì ông không biết. Bản thân ông chỉ biết ký và viết được tên của ông nên ông không thể làm thủ tục kê khai là giám đốc công ty HD được.

Trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Q, quan điểm của ông đề nghị Ngân hàng làm việc với vợ chồng ông Đỗ Bá H – bà Trịnh Thị Thùy D.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – vợ chồng ông Đỗ Bá N, bà Nguyễn Thị Th trình bày và xác nhận:

- Ông Đỗ Bà N và ông Đỗ Bá H là anh em ruột.

- Xác nhận ngày 23/4/2012 vợ chồng ông bà có ký thế chấp thửa đất số 374 theo hợp đồng đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng số 699 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 7 - Thành phố Hà Nội.

- Xác nhận hiện nay thửa đất vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông; vợ chồng ông cùng con là Đỗ Bá Đức T đang quản lý, sử dụng thửa đất và không cho ai thuê, ai mượn thửa đất, không có tranh chấp với các hộ liên kề.

- Từ khi thế chấp đến nay thì vợ chồng ông làm thêm mái tôn trước hiên nhà. Toàn bộ tài sản trên đất là do vợ chồng ông N – bà Th xây dựng.

- Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông bà đề nghị công ty HD phải trả nợ cho ngân hàng để gia đình ông bà lấy giấy CNQSDĐ về.

4. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Trịnh Thị Thùy D trình bày:

- Xác nhận ngày 27/10/2010 với tư cách là Phó giám đốc công ty HD, bà đã thay mặt công ty HD ký kết Hợp đồng tín dụng số 285.10.820.50617 với ngân hàng Q để vay vốn với số tiền là 525.000.000 đồng; mục đích để mua ô tô BKS 31F-8061 và công ty HD được giải ngân số tiền trên ngày 27/10/2010.

- Xác nhận tài sản đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng năm 2010 là Xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010, Đăng ký xe Ô tô số 033724 do Công an Hà Nội cấp ngày 13/10/2010 cho công ty HD.

- Xác nhận ngày 05/5/2012, bà đã thay mặt công ty HD ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.12.882.507617.TD với Ngân hàng Q để vay vốn và đã được ngân hàng Q giải ngân với số tiền 3.538.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để hoạt động kinh doanh.

- Xác nhận tài sản đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng năm 2012 là: căn hộ số 2711 thuộc địa chỉ 110 T, quận H, Hà Nội thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông bà và thửa đất của vợ chồng ông Đỗ Bá N – bà Nguyễn Thị Th tại Thôn T, xã TXT, huyện C, Hà Nội.

- Xác nhận đến nay công ty HD còn nợ ngân hàng Q số tiền gốc của hai hợp đồng tín dụng là 1.600.000.000 đồng.

- Từ tháng 9/2018 đến nay, công ty HD do ông Đỗ Bá T, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã TXT, huyện C, Hà Nội là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty HD.

- Xác nhận đến tháng 9/2018 thì chiếc xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công ty HD. Từ tháng 9/2018 do anh T làm giám đốc công ty, bà không còn liên quan đến công ty HD nên bà không biết chiếc xe trên ở đâu.

- Hiện nay ngân hàng Q không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là căn hộ số 2711 thuộc địa chỉ 110 T, quận H, Hà Nội thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng bà thì bà không đề nghị xem xét, giải quyết vì do căn hộ trên vợ chồng bà đã xin thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư là công ty CP bất động sản TL và nhận lại một phần tiền đặt cọc.

- Hiện nay do vợ chồng bà bận công việc, không ra Tòa án làm việc được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vợ chồng bà trong toàn bộ quá trình giải quyết của vụ án.

5. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Đỗ Bá H trình bày: Nhất trí với toàn bộ ý kiến trình bày của bà D vợ ông.

***Ngày 21/6/2019 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp** là Thửa đất số 374, tờ bản đồ số 02 tại Thôn T, xã TXT, huyện C, Hà Nội hiện có vợ chồng ông Đỗ Bá N – bà Nguyễn Thị Th và con trai là Đỗ Bá Đức T đang sinh sống. Ngoài ra không có ai khác sinh sống trên đất thế chấp.

*** Ngày 21/6/2019 và ngày 28/6/2019**, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công ty HD nhưng Công ty HD không mang xe đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành thẩm định được.

Tại phiên tòa:

* Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc công ty HD có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2019 là: 5.113.975.894đồng, trong đó: Nợ gốc 1.643.377.184 đồng; nợ lãi trong hạn 82.953.666 đồng; nợ lãi quá hạn 3.387.645.044 đồng, cụ thể của từng hợp đồng tín dụng là:

Hợp đồng tín dụng năm 2010 là: 650.526.108 đồng, trong đó nợ gốc 275.530.428 đồng; nợ lãi trong hạn 39.039.666 đồng; nợ lãi quá hạn 335.956.014 đồng;

Hợp đồng tín dụng năm 2012 là: 4.463.449.786 đồng, trong đó nợ gốc 1.367.846.756 đồng; nợ lãi trong hạn 43.914.000 đồng; nợ lãi quá hạn 3.051.689.030 đồng.

Công ty HD tiếp tục chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng 2010 và Hợp đồng tín dụng năm 2012, kèm theo các khế ước nhận nợ kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, công ty HD không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại 02 tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng Q cụ thể.

Nghĩa vụ bảo đảm của xe ô tô 29 chỗ Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, Số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 tạm tính đến ngày 25/9/2019 là: nợ gốc 275.530.428 đồng; nợ lãi trong hạn 39.039.666 đồng; nợ lãi quá hạn 335.956.014 đồng;

Nghĩa vụ bảo đảm của thửa đất số 374 tạm tính đến ngày 25/9/2019 là: nợ gốc 412.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 18.746.000 đồng; nợ lãi quá hạn 764.157.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Bị đơn và toàn bộ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ngân hàng Q khởi kiện công ty HD theo 02 Hợp đồng tín dụng với mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô và bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; hai bên đều có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có trụ sở tại huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội, nên căn cứ các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, TP.Hà Nội.

[1.2] Về áp dụng pháp luật nội dung : Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng năm 2010 và năm 2012, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho vợ chồng ông N – bà Th, anh T (thông qua bà Th); vợ chồng ông H – bà D; ông T, nhưng những người này vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt của họ.

[2]. Về hợp đồng tín dụng:

[2.1]. Về hình thức của 02 Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ: Ngân hàng Q và công ty HD ký kết hợp đồng tín dụng tự nguyện và bằng văn bản; Ngân hàng Q cho công ty HD vay vốn là đúng với đăng ký kinh doanh của Ngân hàng , tuân thủ đúng quy định của Điều 121, 124, 401 Bộ luật dân sự 2005; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Về nội dung của 02 Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ thấy: Hợp đồng năm 2010 do bà Trịnh Thị Thùy D (lúc đó là Phó giám đốc công ty HD và được Giám đốc là đại diện theo pháp luật ủy quyền) và Hợp đồng tín dụng năm 2012 do bà Trịnh Thị Thùy D (là đại diện theo pháp luật của công ty) đã đại diện cho công ty HD ký kết với ngân hàng Q. Bà Trịnh Thị Thùy D và ông Đỗ Bá H đều thừa nhận công ty HD đã tự nguyện giao kết hợp đồng, mục đích vay vốn để phục vụ kinh doanh của công ty và công ty HD đã được Ngân hàng Q giải ngân tổng số tiền của 02 hợp đồng tín dụng là 4.063.000.000 đồng. Nội dung của 02 Hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phù hợp với các Điều 388, 389, 390, 391, 402, 405, 406, 471 Bộ luật dân sự năm 2005, nên 02 hợp đồng tín dụng có hiệu lực thi hành.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo 02 Hợp đồng tín dụng năm 2010, 2012 và các khế ước nhận nợ thì thấy:

[2.3.1.] Đối với Hợp đồng tín dụng 2010, tính đến ngày 24/10/2012, công ty HD đã thanh toán trả nợ ngân hàng Q số tiền là: gốc đã trả 249.469.572đồng; lãi đã trả: 149.143.161đồng; Tổng số tiền đã trả: 398.612.733đồng. Công ty HD vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 24/9/2012. Tính đến ngày tất toán hợp

đồng tín dụng (ngày 27/4/2014) thì công ty HD vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Khoản nợ trên của công ty HD đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng năm 2010 và khế ước nhận nợ năm 2010 nên bị chuyển nợ quá hạn với số tiền nợ gốc quá hạn là đúng thỏa thuận của các bên tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng năm 2010, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.3.2.] Đối với Hợp đồng tín dụng năm 2012, công ty HD đã trả được số tiền là: Nợ gốc đã trả: 2.170.153.244đồng; lãi đã trả: 242.640.061đồng; Tổng số tiền trả: 2.412.793.305đồng, cụ thể:

Khế ước số LD 1212600059, tính đến ngày 09/6/2015 đã trả: Gốc đã trả 2.158.153.244đồng; lãi đã trả là 225.498.061đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 05/8/2012 (là ngày đến hạn trả nợ gốc và lãi).

Khế ước số LD 1226200377, tính đến 18/9/2012 đã trả: Gốc đã trả 0đồng; lãi đã trả là 11.655.000 đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 18/12/2012 (là ngày đến hạn trả nợ gốc và lãi).

Khế ước số LD 1226800455, tính đến 24/9/2012 đã trả: Gốc đã trả 0đồng; lãi đã trả là 5.487.000 đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 24/12/2012 (là ngày đến hạn trả nợ gốc và lãi).

Khế ước số LD 1229900469, tính đến 31/7/2014 đã trả: Gốc đã trả 12.000.000đồng; lãi đã trả là 0đồng; vi phạm nghĩa vụ và bị áp dụng lãi suất quá hạn từ ngày 25/01/2013 (là ngày đến hạn trả nợ gốc và lãi).

Khoản nợ trên của công ty HD đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại điểm 1.4 Điều 1 Hợp đồng tín dụng năm 2012 và các khế ước nhận nợ năm 2012 nên bị chuyển nợ quá hạn với số tiền nợ gốc quá hạn là đúng thỏa thuận của các bên tại Điều 3 hợp đồng tín dụng năm 2012, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, Công ty HD còn nợ và có trách nhiệm trả ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2019 tổng cộng là: 5.113.975.894đồng, trong đó: nợ gốc 1.643.377.184đồng; nợ lãi trong hạn 82.953.666đồng; nợ lãi quá hạn 3.387.645.044đồng cụ thể của từng hợp đồng tín dụng là:

Hợp đồng tín dụng năm 2010 là: 650.526.108 đồng, trong đó nợ gốc 275.530.428 đồng; nợ lãi trong hạn 39.039.666 đồng; nợ lãi quá hạn 335.956.014 đồng;

Hợp đồng tín dụng năm 2012 là: 4.463.449.786 đồng, trong đó nợ gốc 1.367.846.756 đồng; nợ lãi trong hạn 43.914.000 đồng; nợ lãi quá hạn 3.051.689.030 đồng. Cụ thể từng khế ước:

Khế ước số LD 1212600059: Nợ gốc 41.846.756đồng; nợ lãi trong hạn: 0đồng; nợ lãi quá hạn: 599.216.030đồng.

Khế ước số LD 1226200377: Nợ gốc 630.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 17.010.000đồng; nợ lãi quá hạn: 1.168.492.500đồng.

Khế ước số LD 1226800455: Nợ gốc 354.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 10.620.000đồng; nợ lãi quá hạn: 654.988.500đồng.

Khế ước số LD 1229900469: Nợ gốc342.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 16.284.000đồng; nợ lãi quá hạn: 628.992.000đồng.

Kể từ ngày 26/9/2019, công ty HD còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng năm 2010, năm 2012, kèm theo các Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo:

[3.1] *Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:* Xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công ty HD, thì thấy:

Hợp đồng thế chấp số 130.10.820.507617.DB ký ngày 27/10/2010 thể hiện: Bên thế chấp: Công ty HD; Bên nhận thế chấp: Ngân hàng Q.

Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Hà Nội ngày 28/10/2010.

Công ty HD thừa nhận có thế chấp xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, Số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010 cho ngân hàng Q.

Căn cứ các Điều 318, 323, 342, 343, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về thế chấp tài sản; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; do vậy Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực thi hành;

Do vậy công ty HD có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Nghĩa vụ bảo đảm của xe ô tô 29 chỗ Biển kiểm soát 31F-8061 là: nợ gốc 275.530.428 đồng; nợ lãi trong hạn 39.039.666 đồng; nợ lãi quá hạn 335.956.014 đồng.

[3.2] *Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm*: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 374, thì thấy:

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng số 1261 quyền số 01.2012 TP/CC-SCC/HĐGD được ký ngày 23/4/2012 tại Phòng công chứng số 7 - Thành phố Hà Nội thể hiện: Bên thế chấp là ông Đỗ Bá N, bà Nguyễn Thị Th; Bên nhận thế chấp là ngân hàng Q; Bên vay là công ty HD; tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (quy định tại điều 1 và khoản 4 điều 6 của hợp đồng thế chấp) của thửa đất số 374, tờ bản đồ số 02, có diện tích 172m² tại thôn T, xã TXT, huyện C, Thành phố Hà Nội, theo Giấy CNQSDĐ số AP419023, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 03143 do UBND huyện C cấp cho ông Đỗ Bá N và bà Nguyễn Thị Th ngày 27/7/2009. Nghĩa vụ bảo đảm cho một phần khoản vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2012. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 27/4/2012.

Bà Th và ông N đều thừa nhận đã ký kết hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện; Tài sản xây dựng trên đất thế chấp là do vợ chồng ông xây dựng.

Căn cứ các Điều 318, 322, 323, 342, 343 và các Điều từ 715 đến 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về thế chấp T sản là Quyền sử dụng đất về “trình tự, thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất”; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; do vậy Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực thi hành;

Các thành viên trong gia đình ông Đỗ Bá N, bà Nguyễn Thị Th và anh Đỗ Bá Đức T có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Nghĩa vụ bảo đảm của thửa đất số 374, tạm tính đến ngày 25/9/2019 là: nợ gốc 412.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 18.746.000 đồng; nợ lãi quá hạn 764.157.000 đồng.

Nếu số tiền thu được từ xử lý 02 tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì công ty HD tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ theo hợp đồng

tín dụng cho Ngân hàng.

[3] Về án phí:

- Bị đơn – Công ty HD phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thi hành là 5.113.975.894 đồng cụ thể án phí phải chịu là: $112.000.000đ + 0,1\% \times (5.113.975.894đ - 4.000.000.000đ) = 113.113.975$ đồng, làm tròn 113.114.000 đồng.

- Ngân hàng Q được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 42; 147; 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Các Điều 342, 343, 471, 474, khoản 1 Điều 318, 319, 320, 322, 323, 355, các Điều từ 715 đến 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q đối với Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD.

2. Buộc công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 285.10.820.507617.TD ngày 27/10/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.12.882.507617.TD ngày 05/5/2012, tạm tính đến hết ngày 25/9/2019 là: **5.113.975.894đồng, trong đó:**

2.1. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 285.10.820.507617.TD ngày 27/10/2010 là: 650.526.108 đồng, trong đó nợ gốc 275.530.428 đồng; nợ lãi trong hạn 39.039.666 đồng; nợ lãi quá hạn 335.956.014 đồng;

2.2. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.12.882.507617.TD ngày 05/5/2012 là: 4.463.449.786đồng, trong đó nợ gốc 1.367.846.756đồng; nợ lãi trong hạn 43.914.000đồng; nợ lãi quá hạn 3.051.689.030đồng. Cụ thể từng khế ước:

Khế ước số LD 1212600059: Nợ gốc 41.846.756đồng; nợ lãi quá hạn 599.216.030đồng.

Khế ước số LD 1226200377: Nợ gốc630.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 17.010.000đồng; nợ lãi quá hạn 1.168.492.500đồng.

Khế ước số LD 1226800455: Nợ gốc 354.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 10.620.000đồng; nợ lãi quá hạn 654.988.500đồng.

Khế ước số LD 1229900469: Nợ gốc 342.000.000đồng; nợ lãi trong hạn 16.284.000đồng; nợ lãi quá hạn 628.992.000đồng.

Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo lãi suất thoả thuận trong từng Hợp đồng tín dụng trên, kèm theo các khế ước nhận nợ, kể từ ngày 26/9/2019 đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

3. Trường hợp công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ lại của từng Hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là:

3.1. Xe ô tô 29 chỗ, Biển kiểm soát 31F-8061 màu trắng nâu, nhãn hiệu County, Số khung RMLK2TEDLAS 000376, số máy D4DDA423114 sản xuất 2010, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD.

Nghĩa vụ bảo đảm tạm tính đến ngày 25/9/2019 là: nợ gốc 275.530.428 đồng; nợ lãi trong hạn 30.039.666 đồng; nợ lãi quá hạn 494.099.195 đồng;

Theo đó, công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

3.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 374, tờ bản đồ số 02, có diện tích 172m² tại thôn T, xã TXT, huyện C, Thành phố Hà Nội, theo Giấy CNQSDĐ số AP419023, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ 03143 do UBND huyện C cấp cho ông Đỗ Bá N và bà Nguyễn Thị Th ngày 27/7/2009.

Nghĩa vụ bảo đảm tạm tính đến ngày 25/9/2019 là: Nợ gốc 412.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 18.746.000 đồng; nợ lãi quá hạn 764.157.000 đồng.

Theo đó, ông Đỗ Bá N, bà Nguyễn Thị Th, anh Đỗ Bá Đức T có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý các tài sản bảo đảm nói trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

5. Án phí:

- Công ty cổ phần vận tải thương mại và du lịch HD phải chịu 113.114.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí là 56.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004045 ngày 30/5/2019 tại Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội.
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi Cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- HSVA.
- Lưu VP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai